

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học.....; Chuyên ngành: Vi sinh vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đinh Thúy Hằng.....

2. Ngày tháng năm sinh: 01/03/1970; NamNữ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: Không.....

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Quảng Sơn, TX Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhà số 11, Ngách 22 Ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Nhà số 11, Ngách 22 Ngõ 4, phố Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02435745193; Điện thoại di động: 0972523466;

E-mail: dthangimbt@gmail.com; dthang@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 5/1995 đến 3/1998: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ sinh học (VAST)

- Từ 3/1998 đến 9/1998: Viện Goethe, trường Đại học Muenster, CHLB Đức.

- Từ 9/1998 đến 3/2003: Nghiên cứu sinh, trường Đại học Bremen, CHLB Đức.

- Từ 3/2003 đến 3/2005: Thực tập sau tiến sĩ, Viện Max Planck Vi sinh vật Biển Bremen, CHLB Đức.

- Từ 6/2005 – nay: cán bộ nghiên cứu tại Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Nghiên cứu viên chính, trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó viện trưởng Viện vi sinh vật và Công nghệ sinh học (2012 – 2014).....

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: Nhà E2, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547407-406

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, ĐHQGHN.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, ĐHQGHN.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH: Học Đại học tại trường Đại học Tổng hợp Saint Petersburg, CHLB Nga từ năm 1989 đến năm 1994, được cấp bằng ThS.
- Được cấp bằng ThS. ngày 20 tháng 06 năm 1994; số văn bằng: 232377; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Di truyền học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Saint Petersburg, CHLB Nga.
- Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 07 năm 2003; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Vi sinh vật học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Bremen, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng ... nămngành:....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Sinh thái học vi sinh vật ứng dụng;
- Vi sinh vật học môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 05 cấp ĐHQGHN và 01 cấp Bộ KH&CN;
- Đã công bố 38 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 03 bằng độc quyền sáng chế và 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học 2012 – 2013; 2013 – 2014.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Là một giảng viên thỉnh giảng, bản thân tôi tự nhận thấy mình đạt được các tiêu chuẩn của một giảng viên đại học theo quy định của Luật Giáo dục:

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Say mê nghề nghiệp và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc nghiên cứu và giảng dạy.

Tôi luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của người giảng viên, thực hiện đầy đủ và có chất lượng các chương trình đào tạo; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường, cơ quan. Bên cạnh đó, để trau dồi kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ giảng dạy, tôi luôn cố gắng sáng tạo trong nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, bồi dưỡng kiến thức cho người học thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu ở các cấp quản lý khác nhau.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015 – 2016	1		2			75	75/182,5
2	2016 – 2017	1	1	1	3		75	75/222,5
3	2017 – 2018	1	1				75	75/157,5
03 năm học cuối								
4	2018 – 2019	1	2				75	75/172,5
5	2019 – 2020		2	1	3		75	75/207,5
6	2020 – 2021		2	1	1		105	105/222,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Đức, Nga

a) Được đào tạo ở nước ngoài:.....

- Học ĐH ; Tại nước: CHLB Nga; Từ năm 1989 đến năm 1994.
- Bảo vệ luận văn ThS tại nước CHLB Nga năm 1994.
- Bảo vệ luận án TS tại nước: CHLB Đức năm 2003 (bằng tiếng Anh).

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ...số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh
- Nơi giảng dạy: Chương trình MSc. Biotechnology, liên kết giữa ĐHQGHN và trường Đại học Liege, Bỉ.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hạnh		×	×		2008 – 2009	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	24/04/2009
2	Nguyễn Thị Tuyền		×	×		2008 – 2010	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	06/04/2010
3	Nguyễn Thị Hải		×	×		2010 – 2012	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	02/04/2013
4	Nguyễn Thị Hiếu Thu		×	×		2012 – 2014	Chương trình ThS. liên kết ĐHQGHN – Trường ĐH Liege, Bỉ	25/04/2014
5	Nguyễn Thu Hoài	×		×		2009 – 2014	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	15/12/2016
6	Nguyễn Văn Hưng		×	×		2014 – 2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	20/03/2017
7	Đỗ Thị Thu Hồng		×	×		2015 – 2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	10/04/2018
8	Nguyễn Duy Tới		×	×		2018 – 2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	09/04/2021
9	Nguyễn Thị Hải	×			×	2016 – 2020	Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học	12/07/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... Đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đa dạng sinh học của vi khuẩn kỵ khí ôxy hóa sắt (II), khử nitrat trong một số môi trường sinh thái và khả năng ứng dụng của chúng	CN	QG.07.23 Đại học Quốc gia Hà Nội	2007 – 2009	23/10/2009. Đạt
2	Khảo sát vi sinh vật tại vùng bị ảnh hưởng dioxin và đánh giá tiềm năng tiêu độc của vi sinh vật bản địa	TK	QMT.07.02 Đại học Quốc gia Hà Nội	2007 – 2009	28/1/2010. Đạt
3	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học hỗ trợ xử lý nitơ trong nước thải	CN	KC.04.TN07/11-15 Bộ KH&CN	2012	18/3/2013 Đạt
4	Nghiên cứu phát triển sinh phẩm hỗ trợ công nghệ lên men tạo khí sinh học trong các điều kiện môi trường đặc biệt	CN	QG.11.27 Đại học Quốc gia Hà Nội	2011 – 2013	8/2013. Đạt
5	Nghiên cứu xây dựng công nghệ xử lý nước thải axit (AMD) từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng	CN	QG.15.33 Đại học Quốc gia Hà Nội	2015 – 2017	16/6/2017 Đạt

	sản bằng biện pháp sinh học				
6	Nghiên cứu vai trò của một số vi sinh vật chuyển hóa ammonia sinh học trong môi trường kỵ khí có hàm lượng sắt cao	TK	QG.18.42 Đại học Quốc gia Hà Nội	2018 - 2021	02/04/2021 Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế thuộc ISI/Scopus								
[1]	Iron corrosion by novel anaerobic microorganisms	6	×	Nature	ISI, Q1 IF: 42,7	643	427: 829 – 832	2004
[2]	Taxonomic and ecological studies of actinomycetes from Vietnam: isolation and genus-level diversity	8		The Journal of Antibiotics	ISI, Q1 IF: 2,4	48	64:599-606	2011
[3]	Marine sulfate-reducing bacteria cause serious corrosion of iron under electroconductive biogenic mineral crust.	9		Environmental Microbiology	ISI, Q1 IF: 4,9	313	14:1772 – 1787	2012
[4]	A lithotrophic microbial fuel cell operated with pseudomonads-dominated iron-oxidizing bacteria enriched at the anode	8		Microbial biotechnology	ISI, Q1 IF: 5,3	16	17(10):1806-15.	2015
[5]	Sulfate reduction for bioremediation of AMD facilitated by an indigenous acid and metal-tolerant sulfate-reducer	5	×	Journal of Microbiology and Biotechnology	ISI, Q2 IF: 2,35		30(7): 1005–1012	2020
[6]	Effects of glycerol and shikimic acid on rapamycin	5		Microbiology and Biotechnology	Scopus ISSN:1598-642X		48(3):296-302	2020

	production in <i>Streptomyces rapamycinicus</i>			Letters	e- ISSN:2234-7305			
[7]	Ammonium and organic carbon co-removal under feammox-coupled-with-heterotrophy condition as an efficient approach for nitrogen treatment	6	×	Scientific Reports	ISI, Q1 IF: 4,37	2	11: 784 (2021)s41598-020-80057-y	2021
Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế không thuộc ISI/Scopus								
[8]	Screening for actinomyces isolated from soil with the ability to inhibit <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> causing rice bacterial blight disease in Vietnam	9		African Journal of Biotechnology	ISSN: 1684-5315	7	11(80):14586-14594	2012
[9]	Pathobiome studies as a way to identify microbial co-operators and/or antagonists of the incoming plant pathogen	5		In Anderle M (Ed) <i>Innovation in land, water and energy for Vietnam's sustainable development</i> . UNIPA Springer Series	ISBN 978-3-030-51260-6		Pp. 53 – 65	2021
Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc gia								
[10]	Ảnh hưởng của các vi sinh vật trong bánh men đến chất lượng và hương vị rượu lên men truyền thống	5		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		23(1S):181 – 186	2007
[11]	Quá trình cố định nitrogen trong rừng ngập mặn Cần Giờ và các vi sinh vật tham gia	2	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		7(1): 101 – 106	2009
[12]	Đa dạng vi khuẩn oxy hóa Fe(II) khử NO ₃ ⁻ tại một số môi trường sinh thái ở Việt Nam	2	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		7(3): 371 – 379	2009
[13]	An active PAH-degrading microbial consortium developed from dioxin-contaminated sediments via enrichment technique	4	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140	1	25(3):158 – 164	2009

[14]	Đa dạng vi sinh vật khử nitrat trong một số môi trường sinh thái ở Việt Nam và các vùng đại diện	4	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		25(4): 265 – 273	2009
[15]	Study on PAH degrading bacteria isolated from dioxin contaminated soil in Vietnam	4	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140	1	26(1): 27 - 35	2010
[16]	Nghiên cứu vi khuẩn ưu thế tham gia chu trình Fe trong các điều kiện môi trường khác nhau tại Việt Nam	3	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		26(2):114 – 120	2010
[17]	Sàng lọc chất kháng ung thư từ xạ khuẩn phân lập ở vườn Quốc gia Cát Bà	4		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		27(4): 271 – 278	2011
[18]	Antimicrobial characteristics and taxonomical diversity among actinomycetes isolated from Catba island, Vietnam	5	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN: 1811-4989	1	10(1): 159 – 168.	2012
[19]	Động học của quá trình tạo biogas và quần thể methanogen trong bể lên men kỵ khí ở nhiệt độ cao xử lý kết hợp bùn thải và rác hữu cơ	6	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		10 (1): 179 – 187	2012
[20]	Phân lập vi khuẩn oxy hóa sulfide trong điều kiện hiếu khí và kỵ khí	4	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		10(2): 397 – 392	2012
[21]	Nuôi tăng sinh vi khuẩn nitrat hóa đạt mật độ tế bào cao trên thiết bị lên men.	4	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		11(2): 303 – 309	2013
[22]	Phân lập cổ khuẩn sinh methane ưa mặn <i>Methanosarcina</i> sp. M37 từ trầm tích biển Cát Bà, Việt Nam	5	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		11(2): 363 – 368	2013
[23]	Chất thải nhà tiêu – cần ủ trong thời gian bao nhiêu lâu?	4		Tạp chí Môi trường & Đô thị Việt Nam	ISSN 1859-3674		1+2(79+80): 42 – 45	2013
[24]	Làm giàu và phân	4	×	Tạp chí Công	ISSN 1811-		12(1): 373 –	2014

	lập methanogen từ trầm tích biển Việt Nam			nghệ sinh học	4989		380	
[25]	Đánh giá khả năng phân hủy chất thải và tiêu diệt mầm bệnh theo thời gian trong nhà tiêu khô một ngăn	4		Tạp chí khoa học Công nghệ Xây dựng	ISSN 1859-2996		20: 66 – 74	2014
[26]	Nâng cao hiệu quả xử lý chất thải nhà tiêu hộ gia đình – Những kết quả bước đầu	3		Tạp chí khoa học Công nghệ xây dựng	ISSN 1859-2996		20: 75 – 80	2014
[27]	Phân lập vi khuẩn oxy hóa methane nhằm nghiên cứu ứng dụng để tạo nguồn đạm vi sinh từ methane	2	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		14(3): 581-588	2016
[28]	Isolation of the acidophilic iron oxidizing bacteria via modified liquid serial dilution method	3	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		14(1A): 595 – 600	2016
[29]	Nghiên cứu xử lý kết hợp nước thải axit từ mỏ khoáng sản và nước thải chăn nuôi trong mô hình bể sinh học khử sulfate	2	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		14(2): 369 – 375	2016
[30]	An efficient method for isolation of bifidobacteria from infant gut	3	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		32(1S):269 – 277	2016
[31]	Study on the use of acidophilic iron oxidizing bacteria for dissolving iron from low-graded chalcopyrite ores	2	×	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ISSN 0866-708x		54(4A):164 – 172	2016
[32]	Treatment of acidic wastewater from Thien Ke tin processing factory by sulfate reducing bioreactor: pilot scale study.	2	×	Tạp chí Công nghệ sinh học	ISSN 1811-4989		14(4): 777 – 784	2016
[33]	Nghiên cứu nuôi tăng sinh tổ hợp vi sinh vật kỵ khí BKM có khả năng lên men sinh methane trong	4	×	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN – Khoa học tự nhiên và Công nghệ	ISSN 2588-1140		33(1S):237-245	2017

	điều kiện nước biển							
[34]	Một số giải pháp cấp nước và xử lý chất thải sinh hoạt phù hợp cho vùng biển đảo	10		Tạp chí Cấp thoát nước Việt Nam	ISSN 1859-3623		6(128): 35-41	2019
[35]	Iron-reducing beta- and gamma-Proteobacteria isolated from laboratory-scaled heterotrophic ferrous bioreactor	5	×	Vietnam Journal of Biotechnology	ISSN 1811-4989		19(2): 359 – 369	2021
Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học Quốc gia								
[36]	Khảo sát và đánh giá vai trò của vi sinh vật trong môi trường nhiễm chất da cam/dioxin tại sân bay Đà Nẵng	7	×	Tập san Hội nghị Sinh thái toàn quốc, Hà Nội 10/2009	NXB Nông nghiệp		Trang 1328 – 1333	2009
[37]	Tận thu năng lượng từ rong biển qua phân hủy kỵ khí trong điều kiện nước mặn	3	×	Tập san Hội nghị Khoa học Công nghệ sinh học toàn quốc, 2013.	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		Trang 233 – 236	2013
[38]	Tìm kiếm vi khuẩn khử Arsenate (As^{5+}) nhằm mục đích ứng dụng trong xử lý nước thải nhiễm Asen bằng biện pháp sinh học	3	×	Tập san Hội nghị Khoa học Công nghệ sinh học toàn quốc 2018	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		Trang 1078-1084	2018

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 2 bài (số thứ tự: 5, 7)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bằng độc quyền sáng chế số 19858: Chủng vi khuẩn <i>Bifidobacterium animalis</i> subsp. <i>Lactis</i> BfH thuần khiết về mặt sinh học để sử dụng làm probiotic	Cục SHTT, Bộ KH&CN	QĐ số 59454/QĐ-SHTT ngày 21/8/2018	Tác giả chính	1
2	Bằng độc quyền sáng chế số 20127: Chủng vi khuẩn <i>Desulfovibrio oxamicus</i> S4 thuần khiết về mặt sinh học để ứng dụng trong việc xử lý nước thải axit từ mỏ	Cục SHTT, Bộ KH&CN	QĐ số 76715/QĐ-SHTT ngày 30/10/2018	Tác giả chính	2
3	Bằng độc quyền sáng chế số 26550: Chủng vi khuẩn <i>Pediococcus pentosaceus</i> Pd1 thuần khiết về mặt sinh học, phân lập được từ phân trẻ sơ sinh, có đặc tính lợi khuẩn	Cục SHTT, Bộ KH&CN	QĐ số 16893w/QĐ-SHTT ngày 28/10/2020	Tác giả chính	2

4	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2687: Quy trình sản xuất hạt bùn chứa vi sinh vật kỵ khí ưa mặn được vi bao bằng alginat	Cục SHTT, Bộ KH&CN	QĐ số 11716w/QĐ-SHTT ngày 19/7/2021	Đồng tác giả	3
---	---	--------------------	-------------------------------------	--------------	---

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 03 Bằng độc quyền sáng chế (số thứ tự: 1, 2, 3).

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đinh Thúy Hằng